

Số: 21 /2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý
và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 624/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí: Các cá nhân có nhu cầu sử dụng, tham khảo tài liệu tại Thư viện tỉnh, Thư viện các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang phải nộp phí thư viện theo quy định, trừ các đối tượng được miễn, giảm thu phí thư viện quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Đơn vị thu phí: Thư viện tỉnh và Thư viện các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Đối tượng miễn, giảm:

a) Đối tượng miễn thu phí: Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4

năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

b) Đối tượng giảm thu phí: Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;

Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

4. Mức thu phí thư viện

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/thẻ/năm)	
		Thư viện tỉnh	Thư viện các huyện, thị xã, thành phố
I	Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu		
1	Người lớn		
a	Học sinh Trung học phổ thông từ đủ 16 tuổi trở lên, sinh viên	20.000	15.000
b	Các đối tượng còn lại	30.000	20.000
2	Trẻ em (dưới 16 tuổi)	10.000	10.000
II	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác	40.000	40.000
III	Đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.		

5. Quản lý và sử dụng phí thư viện

Đơn vị thu phí được để lại 100% trên tổng số tiền phí thư viện thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Việc sử dụng nguồn thu để lại thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

6. Đơn vị thu phí thư viện

a) Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Nghị quyết này.

b) Niêm yết và thông báo công khai mức thu phí tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí theo chế độ hiện hành.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Các nội dung khác liên quan không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành (nếu có).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017 và thay thế quy định về phí thư viện tại Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. /- *Pho*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Vụ công tác Quốc hội, địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm Toán nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Võ Anh Kiệt